BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu chỉnh lý dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành hành Luật Tiếp cận thông tin

Thực hiện Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 15/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin, Quyết định số 931/QĐ-TTg ngày 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành các luật được thông qua tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XIII, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin (sau đây gọi là dự thảo Nghị định).

Đến nay Cơ quan chủ trì soạn thảo đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin. Ngày 11/7/2017, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã có Công văn số 2414/BTP-HSHC xin ý kiến tham gia của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Bộ, cơ quan ngang bộ, Văn phòng Quốc hội, các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi chung là các cơ quan trung ương và địa phương), đặc biệt là những nơi có địa bàn đặc thù như khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế -xã hội đặc biệt khó khăn đối với dự thảo Nghị định này. Đồng thời với việc gửi văn bản xin ý kiến góp ý cho dự thảo, Cơ quan chủ trì soạn thảo cũng đã đăng toàn văn nội dung hồ sơ dự thảo Nghị định (bao gồm dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định) trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ để lấy ý kiến toàn dân theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy pháp luật.

Đến nay, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã nhận được văn bản góp ý của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, 24 văn bản góp ý của các Bộ, cơ quan ngang bộ, 19 văn bản của các cơ quan địa phương, gồm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh phúc đáp. Đối với ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử, Bộ Tư pháp chưa nhận được ý kiến tham gia vào nội dung dự thảo Nghị định.

Sau đây, Bộ Tư pháp xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả tổng hợp, tiếp thu chỉnh lý và giải trình về các ý kiến tham gia vào nội dung dự thảo Nghị định:

I. Về sự cần thiết ban hành văn bản

Qua tổng hợp, Bộ Tư pháp nhận thấy hầu hết ý kiến của các bộ, ngành, địa phương đều nhất trí về sự cần thiết ban hành Nghị định, phạm vi điều chỉnh và nhiều nội dung cơ bản của Nghị định.

II. Những vấn đề tiếp thu, chỉnh lý

Đối với nội dung dự thảo Nghị định, tại các ý kiến góp ý đều bày tỏ tán thành với bố cục, nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định. Đối với các điều khoản, nội dung cụ thể, Bộ Tư pháp đã tiếp thu và chỉnh lý vào dự thảo các vấn đề sau đây:

1. Đối tượng điều chỉnh

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu các ý kiến góp ý (Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Đài Truyền hình Việt Nam, Vụ các vấn đề chung về xây dựng pháp luật - Bộ Tư pháp...), để bao quát được đủ đối tượng điều chỉnh dự thảo Nghị định lần này áp dụng với tất cả đối tượng bao gồm "các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan đến việc cung cấp thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin" (khoản 2 Điều 1 của dự thảo Nghị định).

2. Về cung cấp thông tin theo yêu cầu cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp

Tiếp thu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý và quy định cụ thể "Danh sách những người yêu cầu cung cấp thông tin phải có đầy đủ các nội dung sau: Họ, tên; số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân và chữ ký của những người yêu cầu" (đoạn 2 khoản 2 Điều 4).

Tại dự thảo Nghị định cũng đã quy định rõ hơn đối với việc cung cấp thông tin theo yêu cho nhiều công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, cụ thể các công dân này phải "có cùng mục đích, lý do yêu cầu cung cấp thông tin với cùng một loại thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin theo cùng một hình thức" (khoản 1 Điều 4) để tránh hiểu nhầm có trường hợp khác mục đích, lý do yêu cầu cung cấp thông tin (Bộ Thông tin và Truyền thông).

Tiếp thu ý kiến của Vụ các vấn đề chung về xây dựng pháp luật (Bộ Tư pháp), Cơ quan chủ trì soạn thảo đã quy định trách nhiệm của người đại diện về việc cung cấp thông tin cho từng người yêu cầu cung cấp thông tin trong tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp (đoạn 3 khoản 2 Điều 4).

3. Về vấn đề chữ ký chứng thực và chữ ký số

Tiếp thu ý kiến của các cơ quan (Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực- Bộ Tư pháp, Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp), Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý quy định chứng thực chữ ký tại UBND cấp xã để phù hợp với quy định tại Điều 5 Nghị định số

23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung áp dụng chữ ký số trong trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin của công dân thông qua mạng internet (ý kiến của Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Giang, Cục Công nghệ thông tin - Bộ Tư pháp).

4. Về việc rà soát kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp

Tiếp thu ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp**,** Vụ các vấn đề chung về xây dựng pháp luật - Bộ Tư pháp, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu và quy định rõ trách nhiệm của đơn vị chủ trì tạo ra thông tin với lý do, đơn vị này là đơn vị trực tiếp thực hiện việc xử lý thông tin nên sẽ hiểu rõ hơn vấn đề bí mật của thông tin do chính mình tạo ra.

5. Về việc xây dựng chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc Trang/Cổng thông tin điện tử

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã quy định rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu hơn để tránh hiểu nhầm phải xây dựng cơ sở dữ liệu riêng cho việc tiếp cận thông tin mà chỉ quy định có một chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc Trang/Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình trong đó chứa đựng Danh mục thông tin phải được công khai, thông tin về đầu mối cung cấp thông tin của công dân, nơi tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin qua mạng điện tử; các hướng dẫn, tài liệu để hỗ trợ người yêu cầu cung cấp thông tin; địa chỉ truy cập để tải thông tin (nếu có)" phù hợp với tinh thần của Luật Tiếp cận thông tin (tiếp thu ý kiến của Tòa án Nhân dân tỉnh Bắc Giang, Bộ Công an, Cục Bổ trợ tư pháp - Bộ Tư pháp, Trung tâm lý lịch tư pháp - Bộ Tư pháp...)

6. Về việc thực hiện bảo đảm thi hành, theo dõi, đôn đốc, báo cáo tình hình

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu các ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương, Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng, Cục Công tác phía Nam – Bộ Tư pháp và chỉnh lý gộp các quy định về trách nhiệm của Bộ Tư pháp thành một khoản (khoản 2 Điều 13).

Tiếp thu ý kiến của Vụ các vấn đề chung về xây dựng pháp luật - Bộ Tư pháp, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã bổ sung thêm trách nhiệm "kiểm tra" của Bộ Tư pháp (điểm b khoản 2 Điều 13).

Tiếp thu ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, dự thảo Nghị định cũng đã được Cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa về thời gian gửi báo cáo về tình hình cung cấp thông tin và quy định rõ nội dung của báo cáo về số liệu các vụ khiếu nại, số lượng các vụ khởi kiện đã được giải quyết.

III. Một số vấn đề giải trình

Đối với một số ý kiến góp ý về các điều khoản, nội dung cụ thể của dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp xin được giải trình như sau:

1. Về quy định các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn (Điều 2) và người khuyết tật (Điều 3) thực hiện quyền tiếp cận thông tin

Về ý kiến đề nghị chi tiết các biện pháp chủ yếu, cơ bản về tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin, Cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng các vấn đề này đã được các văn bản quy phạm pháp luật như dự án Luật về hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi, Luật về người khuyết tật, Luật Báo chí, Luật xuất bản và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết các luật này. Theo đó, các đề án và các quy định liên quan đã có những quy định chi tiết về các vấn đề hỗ trợ. Ví dụ như: quy định về việc dành thời lượng cho phát thanh/truyền hình các thông tin bằng tiếng dân tộc "*VOV đã phát sóng 12 thứ tiếng dân tộc thiểu số là Mông, Thái, Dao, Ê đê, Ba na, Gia rai, K'ho, M'nông, Xơ đăng, Chăm, Khơ me, Cơ Tu với thời lượng phát sóng gần 30 giờ hàng ngày*"[1], Đề án "đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn năm 2016-2020" của Ủy ban dân tộc[2], Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg về Quy chế hoạt động thông tin cơ sở, Quyết định số 119/QĐ-TTg ngày 18/1/2011của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển thông tin truyền thông nông thôn giai đoạn 2011-2020[3], Quyết định số 1019/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020[4]... Do đó, tránh tình trạng liệt kê không đầy đủ, dự thảo Nghị định không quy định chi tiết các biện pháp này.

2. Về đầu mối cung cấp thông tin bao gồm đơn vị đầu mối và cá nhân cung cấp thông tin

Về đầu mối cung cấp thông tin, Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Bắc Giang cho rằng nên thông qua người có uy tín, già làng, trưởng bản tại các khu vực biên giới, hải đảo, miền núi và vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn vì tác dụng cung cấp thông tin của những người này tại khu vực biên giới, hải đảo, miền núi và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội là rất lớn và đem lại hiệu quả cao. Cơ quan chủ trì soạn thảo nhận thấy đây là một kênh cung cấp thông tin tốt, tuy nhiên không phải là kênh cung cấp thông tin chính thống và Luật Tiếp cận thông tin không quy định phương thức này. Do đó, dự thảo Nghị định không quy định vấn đề này.

---

[1] *http://vov.vn/xa-hoi/dau-an-vov/dinh-huong-phat-trien-phat-thanh-tieng-dan-toc-thieu-so-tren-song-vov-629154.vov*
[2] *http://csdl.ubdt.gov.vn/noidung/vanbandt/Lists/UBDTVanBanDen/Attachments/13201/22-%20TTr%20-%20UBDT.pdf*
[3] *http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&mode=detail&document_id=98734*
[4] *http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&mode=detail&document_id=162826*

Có ý kiến cho rằng cần quy định cụ thể đơn vị làm đầu mối cung cấp thông tin. Tuy nhiên, việc sắp xếp đơn vị đầu mối cần được căn cứ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, khối lượng công việc và thông tin của từng cơ quan, đơn vị để lựa chọn đầu mối cung cấp thông tin có thể theo từng giai đoạn và thời điểm nhưng cần phải có thông báo công khai, ví dụ như đối với các Bộ có thể linh hoạt giao Văn phòng Bộ hay Thanh tra Bộ, hay Cục Công nghệ thông tin để bảo đảm việc cung cấp thông tin một cách tốt nhất, hiệu quả nhất. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện và xã cũng tương tự như vậy. Do đó, dự thảo Nghị định không ấn định đơn vị đầu mối cụ thể để tạo quyền chủ động cho người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin.

Về ý kiến đề nghị bổ sung các nội dung từ chối cung cấp thông tin khi các thông tin yêu cầu thuộc phạm vi Điều 6, 7 của Luật tiếp cận thông tin, Cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng các quy định về vấn đề này đã được Luật quy định rất rõ ràng (Điều 28) nên không quy định lại là phù hợp với khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

3. Về trang thiết bị cung cấp thông tin và ứng dụng thông tin trong việc cung cấp thông tin

Có ý kiến cho rằng cần quy định cụ thể các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin để người khuyết tật có thể tiếp cận, sử dụng, khai thác thông tin, Cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng để bảo đảm tính linh hoạt và sự chủ động cho các cơ quan, đồng thời, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tế của từng cơ quan, địa bàn, dự thảo Nghị định quy định theo hướng trang bị các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phù hợp, tùy theo điều kiện của từng cơ quan.

4. Về hiệu lực thi hành

Nghị định được dự kiến có hiệu lực thi hành phù hợp với hiệu lực thi hành của Luật tiếp cận thông tin và đưa ra quy định đối với những thông tin được tạo ra trước ngày 1/7/2018 thì áp dụng việc cung cấp thông tin theo các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính cũng có ý kiến đề nghị bổ sung quy định tại Điều 15 dự thảo Nghị định để làm rõ chỉ áp dụng đối với các thông tin được tạo ra sau ngày 1/7/2018 (ngày Luật Tiếp cận thông tin có hiệu lực thi hành) thực hiện theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin; không áp dụng đối với thông tin được tạo ra trước ngày 1/7/2018, việc cung cấp thông tin trong trường hợp này được thực hiện theo quy định pháp luật khác có liên quan. Nếu đặt ra vấn đề cung cấp thông tin đối với loại thông tin được tạo ra trước ngày 1/7/2018 theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin sẽ rất khó khăn cho các Bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện vì loại, số lượng thông tin này rất lớn, đa dạng và phức tạp.

5. Về các mẫu phiếu tại các Phụ lục kèm theo

Có ý kiến đề nghị nên có mẫu "Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu" và "phiếu xác nhận hoàn thành việc cung cấp thông tin", Cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng mẫu này sẽ được quy định tại Quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 34 của Luật và Bộ Tư pháp sẽ ban hành Quy chế này (dự kiến trong quý 1 năm 2018). Đối với "phiếu xác nhận hoàn thành việc cung cấp thông tin" đã được thể hiện bằng phiếu "thông báo từ chối yêu cầu cung cấp thông tin" (mẫu số 05) trong trường hợp từ chối và phiếu "thông báo giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin" (mẫu số 04) trong trường hợp đã cung cấp thông tin, do đó để giảm bớt thủ tục hành chính, Cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng không nên quy định mẫu phiếu xác nhận.

6. Về vấn đề kinh phí

Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm 01 khoản có nội dung quy định giao Bộ Tài chính hướng dẫn việc thu, nộp, sử dụng chi phí thu được từ việc cung cấp thông tin (Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực), quy định rõ chi phí để thực hiện việc cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước có rất nhiều nội dung như: trang thiết bị hỗ trợ người khuyết tật, ứng dụng công nghệ thông tin, bố trí nhân lực, công tác truyền thông... Quy định như dự thảo quá chung chung, sẽ khó triển khai trên thực tế. Nên chăng cần cụ thể hơn những loại chi phí nào sẽ được ngân sách nhà nước đảm bảo (Thông tấn xã Việt Nam) và quy định mức chi phí thực tế để in, sao, chụp tài liệu chứa thông tin (nếu có); chi phí gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, Fax (nếu có); phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán… (Tòa án Nhân dân tỉnh Bắc Giang). Cơ quan chủ trì soạn thảo nhận thấy rằng các vấn đề về chi phí đã được Luật Tiếp cận thông tin quy định giao cho Bộ Tài chính quy định (khoản 2 Điều 12) và Luật không giao cho Chính phủ quy định vấn đề này, do đó tại dự thảo Nghị định không quy định về vấn đề này.

Có ý kiến đề nghị đối với những chi phí về yêu cầu cung cấp thông tin ít hơn 20-50.000đ thì miễn giảm vì lý do các thủ tục hành chính có thể phức tạp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Tiếp cận thông tin thì người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin. Vì vậy, đối với trường hợp này nếu quy định không phải trả chi phí sẽ không phù hợp với quy định của Luật; mặt khác việc quy định không phải trả chi phí có thể dẫn đến phát sinh quá nhiều yêu cầu cung cấp thông tin không cần thiết. Do đó, Cơ quan chủ trì soạn thảo nhận thấy chưa có cơ sở để quy định tại Nghị định này.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý các cơ quan trung ương và địa phương đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin./.